**Phụ lục I  
MỘT SỐ CÂU HỎI VÀ TRẢ LỜI VỀ NHỮNG VẤN ĐỀ THƯỜNG GẶP TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN  
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SKHĐT ngày tháng năm 2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **CÂU HỎI** | **CÂU TRẢ LỜI** |
| 11 | Đối tượng nào được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp? | Theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 Luật Doanh nghiệp thì tổ chức, cá nhân có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này.  “Khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp quy định tổ chức, cá nhân sau đây không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam:  1. Cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân sử dụng tài sản nhà nước để thành lập doanh nghiệp kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;  2. Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức;  3. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp;  4. Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong doanh nghiệp nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;  5. Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; tổ chức không có tư cách pháp nhân;  6. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành hình phạt tù, quyết định xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị cấm hành nghề kinh doanh, đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định, liên quan đến kinh doanh theo quyết định của Tòa án; các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phá sản, phòng, chống tham nhũng”. |
| 22 | Người thành lập doanh nghiệp có được ký các loại hợp đồng phục vụ cho việc thành lập và hoạt động của doanh nghiệp trước và trong quá trình đăng ký doanh nghiệp hay không? | - Theo quy định tại Điều 19 Luật Doanh nghiệp thì người thành lập doanh nghiệp được ký các loại hợp đồng phục vụ cho việc thành lập và hoạt động của doanh nghiệp trước và trong quá trình đăng ký doanh nghiệp.  - Trường hợp doanh nghiệp được thành lập thì doanh nghiệp phải tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết quy định tại Khoản 1 Điều này, trừ trường hợp các bên hợp đồng có thỏa thuận khác.  - Trường hợp doanh nghiệp không được đăng ký thành lập thì người ký kết hợp đồng theo quy định tại Khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm hoặc người thành lập doanh nghiệp liên đới chịu trách nhiệm thực hiện hợp đồng đó. |
| 33 | Đề nghị hướng dẫn về thủ tục ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp? | - Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 về đăng ký doanh nghiệp quy định về việc ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp như sau:  - Trường hợp người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, khi thực hiện thủ tục, người được ủy quyền phải nộp bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP, kèm theo:  1. Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp; hoặc  2. Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. |
| 44 | Điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm những nội dung gì? | Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Luật Doanh nghiệp thì doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây:  - Ngành, nghề đăng ký kinh doanh không bị cấm đầu tư kinh doanh;  - Tên của doanh nghiệp được đặt theo đúng quy định tại các Điều 38, 39, 40 và 42 của Luật này;  - Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ;  - Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí. |
| 65 | Việc đặt tên chi nhánh, văn phòng đại diện như thế nào là phù hợp với quy định pháp luật hiện hành? Có thể sử dụng từ “công ty” để đặt tên chi nhánh, văn phòng đại diện hay không? | Khoản 1, Khoản 2 Điều 41 Luật Doanh nghiệp quy định tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phải được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ cái F, J, Z, W, chữ số và các ký hiệu. Tên chi nhánh, văn phòng đại diện phải mang tên doanh nghiệp kèm theo cụm từ “Chi nhánh” đối với chi nhánh, cụm từ “Văn phòng đại diện” đối với văn phòng đại diện.  Theo quy định tại Khoản 3 Điều 20 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP thì phần tên riêng trong tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp không được sử dụng cụm từ “công ty”, “doanh nghiệp”.  Như vậy, doanh nghiệp không được sử dụng từ “công ty” trong phần tên riêng của chi nhánh, văn phòng đại diện. |
| 76 | Khi nộp hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thuộc ngân hàng thương mại, tôi được yêu cầu nộp bổ sung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện. Xin hỏi, yêu cầu này có đúng với quy định pháp luật hiện hành hay không? | Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với tổ chức tín dụng, đơn vị phụ thuộc, thông báo lập địa điểm kinh doanh của tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định tại Nghị định này tương ứng với từng loại hình doanh nghiệp, kèm theo hồ sơ phải có bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.  Theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP thì trong hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện phải có quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên, của chủ sở hữu công ty đối với công ty TNHH một thành viên, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần, của các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện.  Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành không có quy định yêu cầu các ngân hàng thương mại phải nộp Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc lập chi nhánh, văn phòng đại diện trong hồ sơ đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện. |
| 87 | Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bị mất hoặc hư hại, thì thủ tục cấp lại như thế nào? | Theo quy định tại Khoản 2 Điều 28 Luật Doanh nghiệp thì trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, doanh nghiệp được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và phải trả lệ phí theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.  Khoản 1 Điều 58 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP quy định trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, doanh nghiệp gửi Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp. |
| 98 | Những ngành, nghề đầu tư kinh doanh nào là ngành, nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện? Tôi có thể tra cứu các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện này tại đâu? | - Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đã được quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư năm 2014 và Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.  - Điều kiện đầu tư kinh doanh đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại luật, pháp lệnh, nghị định và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.  - Theo quy định tại Khoản 5 Điều 7 Luật Đầu tư thì ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh đối với ngành, nghề đó được đăng tải trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Do vậy, tổ chức, cá nhân có thể truy cập vào trang Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo địa chỉ <https://dangkykinhdoanh.gov.vn/> để tra cứu thông tin về vấn đề nêu trên. |
| 19 | Công ty có thể sử dụng tên ngành, nghề kinh doanh mà doanh nghiệp không đăng ký để đặt tên doanh nghiệp không? | - Luật Doanh nghiệp và Nghị định số 78/2015/NĐ-CP không có quy định bắt buộc doanh nghiệp phải sử dụng ngành, nghề kinh doanh, hình thức đầu tư để cấu thành tên riêng của doanh nghiệp nếu doanh nghiệp có đăng ký ngành, nghề đó hoặc thực hiện đầu tư theo hình thức đó.  - Việc đặt tên doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 38, 39, 40 Luật Doanh nghiệp và Điều 17, Điều 18 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP. |
| 110 | Trường hợp doanh nghiệp đăng ký kinh doanh các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thì khi doanh nghiệp có phải nộp các giấy tờ chứng minh đáp ứng các điều kiện đầu tư kinh doanh khi đăng ký thành lập doanh nghiệp không? | - Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Luật Doanh nghiệp thì doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây: (i) Ngành, nghề đăng ký kinh doanh không bị cấm đầu tư kinh doanh; (ii) Tên của doanh nghiệp được đặt theo đúng quy định tại các Điều 38, 39, 40 và 42 của Luật này; (iii) Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ; (iv) Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.  - Hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp quy định tại các Điều 20, 21, 22, 23 Luật Doanh nghiệp, trong đó không bao gồm các giấy tờ chứng minh đáp ứng các điều kiện đầu tư kinh doanh.  - Riêng đối với doanh nghiệp là tổ chức tín dụng, trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, ngoài các giấy tờ theo quy định đối với từng loại hình doanh nghiệp, phải có thêm bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. |
| 111 | Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp thì doanh nghiệp được quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm. Điều này có nghĩa là doanh nghiệp được quyền kinh doanh tất cả các ngành, nghề kinh doanh mà không cần đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh, kể cả những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện có đúng không? | - Theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP thì khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, khi thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh hoặc khi đề nghị cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp ghi ngành, nghề kinh doanh trong Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp, Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy đề nghị cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Cơ quan đăng ký kinh doanh hướng dẫn, đối chiếu và ghi nhận ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.  - Doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh với cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có sự thay đổi. Trường hợp doanh nghiệp không thông báo kịp thời sẽ bị xử lý theo quy định tại Nghị định số 50/2016/NĐ-CP ngày 01/6/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.  Doanh nghiệp được quyền kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động. Việc quản lý nhà nước đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và kiểm tra việc chấp hành điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên ngành theo quy định của pháp luật chuyên ngành.  Theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP thì Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp không phải là giấy phép kinh doanh. |
| 112 | Có thể ghi chi tiết ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp dưới ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam hay không? | Có. Theo quy định tại Khoản 6 Điều 7 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP thì trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu đăng ký ngành, nghề kinh doanh chi tiết hơn ngành kinh tế cấp bốn thì doanh nghiệp lựa chọn một ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam, sau đó ghi chi tiết ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp ngay dưới ngành cấp bốn nhưng phải đảm bảo ngành, nghề kinh doanh chi tiết của doanh nghiệp phù hợp với ngành cấp bốn đã chọn. Trong trường hợp này, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp là ngành, nghề kinh doanh chi tiết doanh nghiệp đã ghi. |
| 113 | Có thể đăng ký ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam không? | Có. Khoản 1 Điều 7 Luật Doanh nghiệp quy định một trong những quyền của doanh nghiệp là tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm.  Việc ghi ngành, nghề kinh doanh trong trường hợp này quy định tại Khoản 4, Khoản 5 Điều 7 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP, cụ thể như sau:  - Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam nhưng được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó.  - Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam và chưa được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét ghi nhận ngành, nghề kinh doanh này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp nếu không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh, đồng thời thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) để bổ sung ngành, nghề kinh doanh mới. |
| 114 | Cơ quan đăng ký kinh doanh có quyền yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện khi nào? | Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP thì một trong những nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Đăng ký kinh doanh là yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện trong trường hợp nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện nhưng không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. Trường hợp doanh nghiệp không tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo yêu cầu, cơ quan đăng ký kinh doanh yêu cầu doanh nghiệp báo cáo theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 209 Luật Doanh nghiệp. Nếu doanh nghiệp không báo cáo giải trình, cơ quan đăng ký kinh doanh thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 211 Luật Doanh nghiệp. |
| 115 | Trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy chứng nhận đầu tư thì có phải chuyển mã ngành, nghề HS ghi trong Giấy chứng nhận đầu tư sang mã ngành kinh tế cấp bốn theo Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam hay không? | Theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP thì khi đề nghị cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp lựa chọn ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam để ghi ngành, nghề kinh doanh trong Giấy đề nghị cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Cơ quan đăng ký kinh doanh hướng dẫn, đối chiếu và ghi nhận ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. |
| 116 | Việc thông báo mẫu con dấu của địa điểm kinh doanh thuộc doanh nghiệp được quy định như thế nào? | Khoản 2 Điều 44 Luật Doanh nghiệp quy định trước khi sử dụng, doanh nghiệp có nghĩa vụ thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.  Tuy nhiên, Luật Doanh nghiệp, Nghị định số 96/2015/NĐ-CP và Nghị định số 78/2015/NĐ-CP không quy định về mẫu con dấu của địa điểm kinh doanh. Do vậy, việc sử dụng con dấu của địa điểm kinh doanh do doanh nghiệp quyết định và doanh nghiệp không phải thực hiện thủ tục thông báo mẫu con dấu của địa điểm kinh doanh trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. |
| 117 | Doanh nghiệp có phải thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước khi có thay đổi về số lượng con dấu hay không? | Theo quy định tại Khoản 4 Điều 15 Nghị định số 96/2015/NĐ-CP thì doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp có trụ sở chính để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:  - Làm con dấu lần đầu sau khi đăng ký doanh nghiệp;  - Thay đổi số lượng, nội dung, hình thức mẫu con dấu và mầu mực dấu;  - Hủy mẫu con dấu.  Như vậy, trường hợp có thay đổi về số lượng con dấu, doanh nghiệp phải thông báo tới cơ quan đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. |
| 118 | Trình tự, thủ tục và hồ sơ thông báo mẫu con dấu của doanh nghiệp được thực hiện như thế nào? | Trình tự, thủ tục và hồ sơ thông báo mẫu con dấu của doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 34 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP. Theo đó, trước khi sử dụng, thay đổi, hủy mẫu con dấu, thay đổi số lượng con dấu của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, doanh nghiệp gửi thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện đặt trụ sở để đăng tải thông báo về mẫu con dấu trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Nội dung thông báo bao gồm:  - Tên, mã số, địa chỉ trụ sở của doanh nghiệp hoặc chi nhánh hoặc văn phòng đại diện;  - Số lượng con dấu, mẫu con dấu, thời điểm có hiệu lực của mẫu con dấu.  Trường hợp doanh nghiệp đã được cấp thông báo về việc đăng tải thông tin về mẫu con dấu của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện mới thì thông báo về việc đăng tải thông tin về mẫu con dấu của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện của các lần trước đó không còn hiệu lực. |
| 219 | Việc quản lý con dấu đã hết hiệu lực sau khi doanh nghiệp thực hiện thông báo thay đổi mẫu con dấu mới được quy định như thế nào? | Khoản 3 Điều 44 Luật Doanh nghiệp quy định việc quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu thực hiện theo quy định của Điều lệ công ty.  Khoản 10 Điều 1 Nghị định số 108/2018/NĐ-CP sửa đổi Khoản 5 và bổ sung Khoản 6 Điều 34 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP như sau:  - Trường hợp thông báo về việc sử dụng mẫu con dấu của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện đã được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì thông báo về việc đăng tải thông tin về mẫu con dấu của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện các lần trước đó không còn hiệu lực.  - Trường hợp thực hiện thủ tục thông báo mẫu dấu qua mạng điện tử, doanh nghiệp không phải nộp hồ sơ thông báo mẫu dấu bằng bản giấy đến Phòng Đăng ký kinh doanh  Do vậy, việc quản lý, lưu giữ con dấu đã hết hiệu lực sau khi đã có thay đổi mẫu con dấu thực hiện theo Điều lệ công ty và thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp. Theo quy định tại Khoản 4 Điều 34 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP thì Phòng Đăng ký kinh doanh không chịu trách nhiệm về tranh chấp phát sinh do việc quản lý và sử dụng con dấu. |
| 220 | Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp có bắt buộc phải đóng dấu không? | Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 108/2018/NĐ-CP bổ sung Khoản 4 Điều 4 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP quy định như sau: Doanh nghiệp không bắt buộc phải đóng dấu trong giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, nghị quyết, quyết định, biên bản họp trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Do vậy, doanh nghiệp không bắt buộc phải đóng dấu trong các văn bản nêu trên.  Luật Doanh nghiệp không có quy định yêu cầu Biên bản họp và Quyết định của chủ sở hữu, Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông phải được đóng dấu. |
| 221 | Hình thức và nội dung mẫu con dấu doanh nghiệp được quy định như thế nào? | Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 96/2015/NĐ-CP quy định mẫu con dấu doanh nghiệp được thể hiện dưới một hình thức cụ thể (hình tròn, hình đa giác hoặc hình dạng khác). Mỗi doanh nghiệp có một mẫu con dấu thống nhất về nội dung, hình thức và kích thước.  Theo quy định tại Khoản 1 Điều 44 Luật Doanh nghiệp thì nội dung con dấu phải thể hiện các thông tin về tên doanh nghiệp và mã số doanh nghiệp.  Đồng thời, Khoản 3 Điều 12 Nghị định số 96/2015/NĐ-CP nêu trên quy định thông tin về mã số doanh nghiệp và tên doanh nghiệp trong nội dung mẫu con dấu thực hiện theo quy định tại Điều 30 và Khoản 1 Điều 38 Luật Doanh nghiệp. Ngoài thông tin nêu trên, doanh nghiệp có thể bổ sung thêm ngôn ngữ, hình ảnh khác vào nội dung mẫu con dấu của doanh nghiệp, trừ các trường hợp quy định tại Điều 14 Nghị định này. |
| 222 | Doanh nghiệp của tôi được thành lập trước ngày 01/7/2015, hiện đang sử dụng mẫu con dấu do cơ quan công an cấp Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu. Tôi có buộc phải thay đổi mẫu con dấu theo quy định tại Luật Doanh nghiệp hay không? | Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 96/2015/NĐ-CP quy định các doanh nghiệp đã thành lập trước ngày 01/7/2015 tiếp tục sử dụng con dấu đã được cấp cho doanh nghiệp mà không phải thực hiện thông báo mẫu con dấu cho cơ quan đăng ký kinh doanh. Trường hợp doanh nghiệp làm thêm con dấu, thay đổi màu mực dấu thì thực hiện thủ tục thông báo mẫu con dấu theo quy định về đăng ký doanh nghiệp.  Do vậy, trong trường hợp này, doanh nghiệp không buộc phải thay đổi mẫu con dấu theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. |
| 223 | Trường hợp doanh nghiệp được thành lập trước ngày 01/7/2015 và đang sử dụng mẫu con dấu do cơ quan công an cấp, nay muốn sử dụng con dấu theo quy định tại Luật Doanh nghiệp thì phải thực hiện hồ sơ, thủ tục như thế nào đối với con dấu do cơ quan công an cấp? | Theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 96/2015/NĐ-CP thì trường hợp doanh nghiệp đã thành lập trước ngày 01/7/2015 làm con dấu mới theo quy định tại Nghị định này thì phải nộp lại con dấu và Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu cho cơ quan công an nơi đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu. Cơ quan công an cấp giấy biên nhận đã nhận lại con dấu tại thời điểm tiếp nhận lại con dấu của doanh nghiệp. |
| 224 | Xin hỏi, tôi có thể tiếp cận các dịch vụ gì thông qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp? | Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp là cổng thông tin điện tử để các tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; truy cập thông tin về đăng ký doanh nghiệp; công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp và phục vụ công tác cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của cơ quan đăng ký kinh doanh. |
| 225 | Đề nghị phân biệt chữ ký số công cộng và Tài khoản đăng ký kinh doanh? Chữ ký số công cộng và Tài khoản đăng ký kinh doanh dùng để làm gì? | Khoản 8 Điều 3 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP quy định chữ ký số công cộng là một dạng chữ ký điện tử theo quy định của pháp luật về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.  Theo quy định tại Khoản 9 Điều 3 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP nêu trên thì Tài khoản đăng ký kinh doanh là tài khoản được tạo bởi Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cấp cho tổ chức, cá nhân để thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. Tài khoản đăng ký kinh doanh được sử dụng để xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử trong trường hợp người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp không sử dụng chữ ký số công cộng.  - Khoản 2 Điều 35 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP quy định tổ chức, cá nhân lựa chọn sử dụng chữ ký số công cộng hoặc sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh để đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. |
| 226 | Có bắt buộc phải sử dụng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh để đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử không? | Khoản 3 Điều 36 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP được sửa đổi bởi Khoản 11 Điều 1 Nghị định số 108/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP như sau:  “3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của một trong các chủ thể sau đây:  a) Cá nhân có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp theo quy định;  b) Người được cá nhân quy định tại điểm a Khoản 3 Điều này ủy quyền thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp. Trong trường hợp này, kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải có các giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều 11 Nghị định này.”  Theo quy định trên thì một trong những điều kiện để đảm bảo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử hợp lệ là hồ sơ phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Do vậy, doanh nghiệp, người thành lập doanh nghiệp bắt buộc phải sử dụng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh để thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. |
| 227 | Trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử sử dụng chữ ký số công cộng được quy định như thế nào? | Trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử sử dụng chữ ký số công cộng được quy định tại Điều 37 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP và được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 12 Điều 1 Nghị định số 108/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP, cụ thể như sau:  1. Cá nhân quy định tại Khoản 3 Điều 36 Nghị định này kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.  2. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân quy định tại Khoản 3 Điều 36 Nghị định này sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.  3. Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để tự động tạo mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.  4. Quy trình đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử quy định tại Điều này cũng áp dụng đối với việc đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp. |
| 228 | Trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh được quy định như thế nào? | Trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh được quy định tại Điều 38 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP và được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 108/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP, cụ thể như sau:  1. Cá nhân quy định tại Khoản 3 Điều 36 Nghị định này kê khai thông tin tại Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để được cấp Tài Khoản đăng ký kinh doanh.  2. Cá nhân quy định tại Khoản 3 Điều 36 Nghị định này sử dụng Tài Khoản đăng ký kinh doanh để kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.  3. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân quy định tại Khoản 3 Điều 36 Nghị định này sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.  4. Phòng Đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để tự động tạo mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.  5. Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cá nhân quy định tại Khoản 3 Điều 36 Nghị định này nộp một bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử đến Phòng Đăng ký kinh doanh. Cá nhân quy định tại Khoản 3 Điều 36 Nghị định này có thể nộp trực tiếp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy và Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử tại Phòng Đăng ký kinh doanh hoặc nộp qua đường bưu điện.  6. Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.  Trường hợp hồ sơ bằng bản giấy và hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử là không thống nhất, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo yêu cầu doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hồ sơ.  Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.  7. Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính đầy đủ và chính xác của bộ hồ sơ nộp bằng bản giấy so với bộ hồ sơ được gửi qua mạng điện tử. Trường hợp bộ hồ sơ nộp bằng bản giấy không chính xác so với bộ hồ sơ được gửi qua mạng điện tử mà người nộp hồ sơ không thông báo với Phòng Đăng ký kinh doanh tại thời điểm nộp hồ sơ bằng bản giấy thì được coi là giả mạo hồ sơ và sẽ bị xử lý theo quy định tại Khoản 1 Điều 63 Nghị định này.  8. Quy trình đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử quy định tại Điều này cũng áp dụng đối với việc đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp”. |
| 329 | Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử như thế nào thì được coi là hợp lệ? | Theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP thì hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau:  i) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy.  ii) Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử.  iii) Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. |
| 330 | Đề nghị hướng dẫn về người có thẩm quyền xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử? | Khi thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử, người ký xác thực hồ sơ điện tử là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Trường hợp người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, khi thực hiện thủ tục, người được ủy quyền phải nộp bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP, kèm theo:  1. Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp; hoặc  2. Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. |
| 331 | Công ty cổ phần có thể có nhiều hơn 1 người đại diện theo pháp luật không? Trường hợp công ty cổ phần muốn bổ sung thêm người đại diện theo pháp luật thì hồ sơ đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật bao gồm giấy tờ gì? | Khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp quy định công ty cổ phần có thể có một hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, chức danh quản lý và quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.  Khi muốn bổ sung thêm người đại diện theo pháp luật thì công ty thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật. Hồ sơ đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty cổ phần quy định tại Điều 43 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP, bao gồm các giấy tờ sau:  a) Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật;  b) Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của người bổ sung, thay thế làm đại diện theo pháp luật của công ty;  c) Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật trong trường hợp việc thay đổi người đại diện theo pháp luật làm thay đổi nội dung Điều lệ công ty;  Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng quản trị trong trường hợp việc thay đổi người đại diện theo pháp luật không làm thay đổi nội dung của Điều lệ công ty ngoài nội dung họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty quy định tại Điều 25 Luật Doanh nghiệp.  Quyết định, biên bản họp phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong Điều lệ công ty. |
| 332 | Công ty TNHH A chỉ có một người đại diện theo pháp luật và người này đang chấp hành án phạt tù do buôn lậu hàng giả. Trong trường hợp này, công ty có phải thay đổi người đại diện theo pháp luật không? Công ty TNHH A thực hiện đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật như thế nào? | Theo quy định tại Khoản 5 Điều 13 Luật Doanh nghiệp thì trường hợp công ty TNHH chỉ có một người đại diện theo pháp luật và người này bị kết án tù thì chủ sở hữu công ty, Hội đồng thành viên cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của công ty.  Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật quy định tại Điều 43 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP. |
| 333 | Ông X là thành viên Công ty TNHH A. Sau khi qua đời, ông X có di chúc để lại toàn bộ tài sản là phần vốn góp tại Công ty TNHH A cho con trai là Ông Y. Trường hợp này, ông Y có phải là thành viên công ty hay không? Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thay đổi thành viên công ty trong trường hợp này quy định như thế nào? | Theo quy định tại Khoản 1 Điều 54 Luật Doanh nghiệp thì trường hợp thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của thành viên đó là thành viên của công ty.  Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thay đổi thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên do thừa kế quy định tại Khoản 3 Điều 45 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP. |
| 334 | Công ty có trụ sở chính tại Việt Nam. Công ty dự định thành lập chi nhánh tại nước ngoài. Trường hợp này, việc thành lập chi nhánh thực hiện theo quy định của pháp luật nước nào? Công ty có phải đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh tại Việt Nam không? | Theo quy định tại Khoản 5 Điều 33 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP thì việc lập chi nhánh của doanh nghiệp ở nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật nước đó.  Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày chính thức mở chi nhánh ở nước ngoài, doanh nghiệp phải thông báo bằng văn bản đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đã đăng ký. Kèm theo thông báo phải có bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh hoặc giấy tờ tương đương để bổ sung thông tin về chi nhánh của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. |
| 335 | Trường hợp sau khi sáp nhập doanh nghiệp mà công ty nhận sáp nhập không có thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp thì công ty có phải đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh không? | Theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT thì trường hợp sau khi sáp nhập doanh nghiệp mà nội dung đăng ký doanh nghiệp của công ty nhận sáp nhập không thay đổi, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc sáp nhập doanh nghiệp, công ty nhận sáp nhập gửi thông báo theo mẫu quy định tại Phụ lục II-5 ban hành kèm theo Thông tư này đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi công ty nhận sáp nhập đặt trụ sở chính để thực hiện chấm dứt tồn tại của công ty bị sáp nhập. Kèm theo thông báo phải có các giấy tờ quy định tại Khoản 4 Điều 195 Luật Doanh nghiệp. |
| 336 | Doanh nghiệp có nhu cầu bổ sung ngành, nghề kinh doanh cho chi nhánh. Ngành, nghề kinh doanh mới bổ sung thêm của chi nhánh có cần phải đúng với ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp không? Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký bổ sung ngành, nghề kinh doanh cho chi nhánh thực hiện như thế nào? | Theo quy định tại Khoản 1 Điều 45 Luật Doanh nghiệp thì chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của doanh nghiệp kể cả chức năng đại diện theo ủy quyền. Ngành, nghề kinh doanh của chi nhánh phải đúng với ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp.- Trường hợp đáp ứng quy định nêu trên, theo quy định tại Khoản 2 Điều 48 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP thì khi chi nhánh bổ sung ngành, nghề kinh doanh, doanh nghiệp gửi Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh đến Phòng đăng ký kinhdoanh nơi đặt trụ sở chi nhánh.- Khi nhận được Thông báo của doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, thay đổi thông tin đăng ký hoạt động của chi nhánh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh. |
| 337 | Chủ doanh nghiệp tư nhân có được bán doanh nghiệp của mình cho người khác không? Ai là người thực hiện đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân? Hồ sơ, trình tự, thủ tục như thế nào? | Theo quy định tại Khoản 1, Khoản 4 Điều 187 Luật Doanh nghiệp thì chủ doanh nghiệp tư nhân có quyền bán doanh nghiệp của mình cho người khác. Người mua doanh nghiệp phải đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân theo quy định của Luật này.Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân được quy định cụ thể tại Điều 47 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP. Hồ sơ đăng ký thay đổi bao gồm:- Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp có chữ ký của người bán và người mua;- Bản sao hợp lệ một trong những giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 Nghị định này của người mua;- Hợp đồng mua bán hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng.Khi nhận hồ sơ đăng ký thay đổi của doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp. |
| 338 | Trường hợp thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên tặng cho phần vốn góp của mình cho người khác thì người được tặng cho phần vốn góp đó có đương nhiên trở thành thành viên công ty không? Hồ sơ đăng ký thay đổi thành viên công ty bao gồm những giấy tờ gì? | Theo quy định tại Khoản 5 Điều 54 Luật Doanh nghiệp thì thành viên có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình tại công ty cho người khác.Trường hợp người được tặng cho là vợ, chồng, cha, mẹ, con, người có quan hệ họ hàng đến hàng thừa kế thứ ba thì đương nhiên là thành viên của công ty. Trường hợp người được tặng cho là người khác thì chỉ trở thành thành viên của công ty khi được Hội đồng thành viên chấp thuận.Hồ sơ đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên quy định tại Khoản 5 Điều 45 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP. Theo đó, công ty gửi Thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi công ty đã đăng ký.Kèm theo Thông báo phải có:- Hợp đồng tặng cho phần vốn góp;- Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 Nghị định này của thành viên mới là cá nhân. |
| 439 | Trường hợp thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên phản đối quyết định tăng vốn điều lệ của công ty theo hình thức tăng vốn góp của các thành viên thì thành viên đó có phải góp thêm vốn không? Nếu không phải góp thêm thì phần vốn không góp này được xử lý như thế nào? Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp như thế nào? | Theo quy định tại Khoản 2 Điều 68 Luật Doanh nghiệp thì thành viên phản đối quyết định tăng thêm vốn điều lệ có thể không góp thêm vốn. Trường hợp này, số vốn góp thêm của thành viên đó được chia cho các thành viên khác theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của họ trong vốn điều lệ công ty nếu các thành viên không có thỏa thuận khác. Công ty phải đăng ký thay đổi vốn điều lệ, tỷ lệ vốn góp của các thành viên trong công ty.  Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ, tỷ lệ vốn góp quy định tại Điều 44 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP và được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 14 Điều 1 Nghị định số 108/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP, cụ thể như sau:  1. Trường hợp công ty đăng ký thay đổi tỷ lệ vốn góp của các thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của các thành viên hợp danh công ty hợp danh, công ty gửi Thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi công ty đã đăng ký. Nội dung Thông báo gồm:  a) Tên, mã số doanh nghiệp, mã số thuế hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (trường hợp doanh nghiệp chưa có mã số doanh nghiệp, mã số thuế);  b) Họ, tên, địa chỉ, quốc tịch, số Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác quy định tại Điều 10 Nghị định này hoặc số quyết định thành lập, mã số doanh nghiệp của mỗi thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh;  c) Tỷ lệ phần vốn góp của mỗi thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc của mỗi thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh;  d) Vốn Điều lệ đã đăng ký và vốn Điều lệ đã thay đổi; thời điểm và hình thức tăng giảm vốn;  đ) Họ, tên, quốc tịch, số Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác quy định tại Điều 10 Nghị định này, địa chỉ thường trú và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc thành viên hợp danh được ủy quyền đối với công ty hợp danh.  2. Trường hợp đăng ký thay đổi vốn Điều lệ công ty, kèm theo thông báo quy định tại Khoản 1 Điều này phải có Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần; quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc thay đổi vốn Điều lệ của công ty; văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 26 Luật đầu tư.  Quyết định, biên bản họp phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong Điều lệ công ty.  6. Khi nhận thông báo, Phòng Đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp. |
| 440 | Công ty TNHH hai thành viên XYZ đã hoạt động được 5 năm liên tục kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hội đồng thành viên công ty ra quyết định hoàn trả một phần vốn góp cho các thành viên công ty theo tỷ lệ vốn góp của họ trong vốn điều lệ của công ty. Vậy việc hoàn trả một phần vốn góp như vậy có phù hợp với quy định của pháp luật không? Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký giảm vốn điều lệ như thế nào? | Theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 68 Luật Doanh nghiệp thì công ty có thể giảm vốn điều lệ bằng hình thức hoàn trả một phần vốn góp cho thành viên theo tỷ lệ vốn của họ trong vốn điều lệ của công ty nếu đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn 02 năm, kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho thành viên.  - Căn cứ quy định trên thì việc hoàn trả vốn góp như đã nêu là phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp.  - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc giảm vốn điều lệ, công ty phải đăng ký thay đổi vốn điều lệ với cơ quan đăng ký kinh doanh.  - Theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 44 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP được sửa đổi tại Khoản 14 Điều 1 Nghị định số 108/2018/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP thì trường hợp đăng ký thay đổi vốn điều lệ công ty TNHH hai thành viên, công ty gửi Thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi công ty đã đăng ký.  - Kèm theo Thông báo phải có Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 26 Luật Đầu tư. Quyết định, biên bản họp phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong Điều lệ công ty  - Trường hợp giảm vốn Điều lệ, doanh nghiệp phải cam kết bảo đảm thanh toán đủ các Khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác sau khi giảm vốn. |
| 441 | Phần vốn của thành viên chưa góp vốn trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong công ty TNHH hai thành viên trở lên được xử lý như thế nào? Trường hợp có người nhận mua lại phần vốn chưa góp này thì công ty có phải đăng ký thay đổi thành viên với cơ quan đăng ký kinh doanh không? Hồ sơ, thủ tục được quy định như thế nào? | Theo quy định tại Khoản 3 Điều 48 Luật Doanh nghiệp thì sau thời hạn 90 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà có thành viên chưa góp vốn đã cam kết thì thành viên đó đương nhiên không còn là thành viên của công ty. Phần vốn chưa góp của các thành viên được chào bán theo quyết định của Hội đồng thành viên.  Theo quy định tại Khoản 4 Điều 45 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP thì trường hợp đăng ký thay đổi thành viên do có thành viên không thực hiện cam kết góp vốn theo quy định tại Khoản 3 Điều 48 Luật Doanh nghiệp, công ty gửi Thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi công ty đã đăng ký.  Kèm theo Thông báo phải có Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp Hội đồng thành viên về việc thay đổi thành viên do không thực hiện cam kết góp vốn, danh sách các thành viên còn lại của công ty. Quyết định, biên bản họp của Hội đồng thành viên phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong Điều lệ công ty.  Khi nhận Thông báo, Phòng Đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp. |
| 442 | Theo quy định của Luật Doanh nghiệp thì trường hợp sau khi chia công ty, công ty bị chia chấm dứt tồn tại. Vậy, công ty bị chia có phải đăng ký chấm dứt tồn tại với cơ quan đăng ký kinh doanh không? | Theo quy định tại Điều 192 Luật Doanh nghiệp thì thành viên, chủ sở hữu công ty hoặc cổ đông của công ty mới được thành lập sau khi chia công ty tiến hành đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật này. Công ty bị chia chấm dứt tồn tại sau khi các công ty mới được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.  - Khoản 1 Điều 61 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP quy định trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày các công ty được chia được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh nơi công ty bị chia đặt trụ sở chính thực hiện chấm dứt tồn tại đối với các công ty này trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.  - Căn cứ quy định nêu trên thì khi công ty bị chia không phải làm thủ tục chấm dứt hoạt động với cơ quan đăng ký kinh doanh. |
| 443 | Trường hợp thay đổi tên của địa điểm kinh doanh thì hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thay đổi như thế nào? Ai có thẩm quyền ký thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh? | Theo quy định tại Khoản 2 Điều 48 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP thì khi thay đổi các nội dung đã đăng ký của địa điểm kinh doanh, doanh nghiệp gửi Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của địa điểm kinh doanh đến Phòng đăng ký kinh doanh nơi đặt địa điểm kinh doanh. Khi nhận được Thông báo của doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, thay đổi thông tin đăng ký hoạt động của địa điểm kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và cấp Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh.  Theo quy định tại Phụ lục II-13 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT thì người ký thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Người ký thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đứng đầu chi nhánh. |
| 444 | Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc phát hành cổ phần chào bán để tăng vốn điều lệ, đồng thời giao Hội đồng quản trị thực hiện thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ sau khi kết thúc mỗi đợt chào bán cổ phần thì hồ sơ đăng ký thay đổi vốn điều lệ thực hiện như thế nào? | Theo quy định tại Khoản 14 Điều 1 Nghị định số 108/2018/NĐ-CP sửa đổi Điều 44 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP (tại khoản 3) thì công ty gửi Thông báo và hồ sơ đăng ký tăng vốn Điều lệ đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi công ty đã đăng ký.  - Nội dung Thông báo gồm:  a) Tên, mã số doanh nghiệp, mã số thuế hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (trường hợp doanh nghiệp chưa có mã số doanh nghiệp, mã số thuế);  b) Họ, tên, địa chỉ, quốc tịch, số Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác quy định tại Điều 10 Nghị định này hoặc số quyết định thành lập, mã số doanh nghiệp của mỗi thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh;  c) Tỷ lệ phần vốn góp của mỗi thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc của mỗi thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh;  d) Vốn Điều lệ đã đăng ký và vốn Điều lệ đã thay đổi; thời điểm và hình thức tăng giảm vốn;  đ) Họ, tên, quốc tịch, số Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác quy định tại Điều 10 Nghị định này, địa chỉ thường trú và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc thành viên hợp danh được ủy quyền đối với công ty hợp danh  - Hồ sơ đăng ký tăng vốn Điều lệ phải có:  a) Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản hợp của Đại hội đồng cổ đông về việc phát hành cổ phần chào bán để tăng vốn Điều lệ, trong đó nêu rõ số lượng cổ phần chào bán và giao Hội đồng quản trị thực hiện thủ tục đăng ký tăng vốn Điều lệ sau khi kết thúc mỗi đợt chào bán cổ phần;  b) Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng quản trị công ty cổ phần về việc đăng ký tăng vốn Điều lệ công ty sau khi kết thúc mỗi đợt chào bán cổ phần. |
| 445 | Doanh nghiệp nhà nước đã chuyển đổi hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước sau chuyển đổi có phải đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh không? Hồ sơ, trình tự, thủ tục được quy định như thế nào? | Theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT thì sau khi công ty nhà nước được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần, các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp nêu trên thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP. |
| 446 | Trường hợp công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) có thay đổi về nội dung đăng ký doanh nghiệp thì doanh nghiệp phải đăng ký với cơ quan nào? Hồ sơ bao gồm các giấy tờ gì? | Theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT thì trường hợp doanh nghiệp hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp nộp hồ sơ đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ tương ứng quy định tại Nghị định số 78/2015/NĐ-CP và các giấy tờ sau:- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đầu tư;- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế;- Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp quy định tại Phụ lục II-18 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT. |
| 447 | Những nội dung đăng ký doanh nghiệp nào cần phải công bố công khai? | Khoản 1 Điều 33 Luật Doanh nghiệp quy định doanh nghiệp sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo trình tự, thủ tục và phải trả phí theo quy định. Nội dung công bố bao gồm các nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các thông tin sau đây:  a) Ngành, nghề kinh doanh;  b) Danh sách cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài đối với công ty cổ phần.  Theo quy định tại Điều 29 Luật Doanh nghiệp thì các nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp gồm:  i) Tên doanh nghiệp và mã số doanh nghiệp.  ii) Địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp.  iii) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần; của các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh; của chủ doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của thành viên là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp và địa chỉ trụ sở chính của thành viên là tổ chức đối với công ty trách nhiệm hữu hạn.  iv) Vốn điều lệ. |
| 548 | Cơ quan nào có quyền cung cấp thông tin về đăng ký doanh nghiệp? | Theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP thì một trong những nhiệm vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cung cấp thông tin về nội dung đăng ký doanh nghiệp, tình trạng pháp lý và báo cáo tài chính của doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp cho các cơ quan có liên quan của Chính phủ, cho tổ chức, cá nhân có yêu cầu.  Khoản 3 Điều 14 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP quy định một trong những nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Đăng ký kinh doanh là cung cấp thông tin về đăng ký doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong phạm vi địa phương quản lý cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cục thuế địa phương, các cơ quan có liên quan và các tổ chức, cá nhân có yêu cầu theo quy định của pháp luật.  Đồng thời, Khoản 3 Điều 11 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT quy định các tổ chức, cá nhân có thể đề nghị để được cung cấp thông tin tại Khoản 2 Điều này tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Trung tâm Hỗ trợ nghiệp vụ đăng ký kinh doanh thuộc Cục Quản lý đăng ký kinh doanh), hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh hoặc thông qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. |
| 549 | Doanh nghiệp có thể đề nghị cung cấp thông tin về nội dung đăng ký doanh nghiệp được không? Cách thức đề nghị như thế nào? | Theo quy định tại Khoản 4 Điều 31 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP thì các tổ chức, cá nhân có thể đề nghị để được cung cấp thông tin về nội dung đăng ký doanh nghiệp, tình trạng pháp lý và báo cáo tài chính của doanh nghiệp thông qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp hoặc trực tiếp tại Phòng Đăng ký kinh doanh hoặc tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư và phải trả phí theo quy định. |
| 550 | Những thông tin đăng ký doanh nghiệp nào được cung cấp miễn phí? | Khoản 1 Điều 11 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT quy định thông tin được cung cấp công khai, miễn phí trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp ([www.dangkykinhdoanh.gov.vn](http://www.dangkykinhdoanh.gov.vn/)) bao gồm: tên doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, tên người đại diện theo pháp luật, mẫu dấu của doanh nghiệp, tình trạng pháp lý của doanh nghiệp. |
| 551 | Tổ chức, cá nhân có thể đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp có trụ sở chính tại Hồ Chí Minh được không? | Theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT thì Trung tâm Hỗ trợ nghiệp vụ đăng ký kinh doanh cung cấp thông tin của tất cả các doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cung cấp những thông tin thuộc phạm vi địa phương quản lý.  Căn cứ quy định nêu trên, Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội không được cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp có trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh.  Tổ chức, cá nhận có thể liên hệ với Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Trung tâm Hỗ trợ nghiệp vụ đăng ký kinh doanh để được cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp có trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh. |
| 552 | Nếu đặt tên doanh nghiệp xã hội của mình là “Doanh nghiệp xã hội ABC” thì có phù hợp với quy định pháp luật hay không? | Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 96/2015/NĐ-CP quy định tên doanh nghiệp xã hội được đặt theo quy định tại các Điều 38, 39, 40 và 42 Luật Doanh nghiệp và có thể bổ sung thêm cụm từ “xã hội” vào tên riêng của doanh nghiệp.  Khoản 1 Điều 38 Luật Doanh nghiệp quy định tên tiếng Việt của doanh nghiệp phải bao gồm hai thành tố theo thứ tự là loại hình doanh nghiệp và tên riêng. Theo đó:  - Tên loại hình doanh nghiệp được viết là “công ty trách nhiệm hữu hạn” hoặc “công ty TNHH” đối với công ty trách nhiệm hữu hạn; được viết là “công ty cổ phần” hoặc “công ty CP” đối với công ty cổ phần; được viết là “công ty hợp danh” hoặc “công ty HD” đối với công ty hợp danh; được viết là “doanh nghiệp tư nhân”, “DNTN” hoặc “doanh nghiệp TN” đối với doanh nghiệp tư nhân;  - Tên riêng được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ F, J, Z, W, chữ số và ký hiệu.  Tên “Doanh nghiệp xã hội ABC” chưa có yếu tố loại hình doanh nghiệp trong tên theo quy định nêu trên. Do đó, việc đặt tên doanh nghiệp xã hội là “Doanh nghiệp xã hội ABC” là chưa phù hợp với quy định pháp luật hiện hành. |
| 553 | Trường hợp thay đổi mục tiêu hoạt động thì doanh nghiệp xã hội có phải thông báo với cơ quan quản lý nhà nước hay không? | Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 96/2015/NĐ-CP quy định trường hợp nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường có sự thay đổi, doanh nghiệp xã hội phải thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh về nội dung thay đổi trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định thay đổi để công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Kèm theo thông báo phải có Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường đã được sửa đổi, bổ sung.  Mẫu Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường quy định tại Biểu mẫu 2 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định các biểu mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp xã hội theo Nghị định 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Doanh nghiệp. |
| 554 | Trong các trường hợp chia, hợp nhất doanh nghiệp, doanh nghiệp có cần thực hiện thủ tục chấm dứt tồn tại các công ty bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập hay không? | Điều 61 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP quy định:  - Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày các công ty được chia, công ty hợp nhất, công ty nhận sáp nhập được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh nơi công ty bị chia, công ty bị hợp nhất, công ty bị sáp nhập đặt trụ sở chính thực hiện chấm dứt tồn tại đối với các công ty này trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.  - Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện việc chấm dứt tồn tại chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của công ty bị chia, công ty bị hợp nhất, công ty bị sáp nhập trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.  - Trường hợp công ty bị chia, công ty bị hợp nhất, công ty bị sáp nhập có địa chỉ trụ sở chính ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở chính công ty được chia, công ty hợp nhất, công ty nhận sáp nhập, Phòng Đăng ký kinh doanh nơi công ty được chia, công ty hợp nhất, công ty nhận sáp nhập gửi thông tin cho Phòng Đăng ký kinh doanh nơi đặt trụ sở chính công ty bị chia, công ty bị hợp nhất, công ty bị sáp nhập để thực hiện chấm dứt tồn tại đối với công ty bị chia, công ty bị hợp nhất, công ty bị sáp nhập trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.  Đồng thời, theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT thì:  - Trường hợp sau khi sáp nhập doanh nghiệp mà nội dung đăng ký doanh nghiệp của công ty nhận sáp nhập không thay đổi, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc sáp nhập doanh nghiệp, công ty nhận sáp nhập gửi thông báo theo mẫu quy định tại Phụ lục II-5 ban hành kèm theo Thông tư này đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi công ty nhận sáp nhập đặt trụ sở chính để thực hiện chấm dứt tồn tại của công ty bị sáp nhập. Kèm theo thông báo phải có các giấy tờ quy định tại Khoản 4 Điều 195 Luật Doanh nghiệp.  - Trường hợp công ty bị sáp nhập có địa chỉ trụ sở chính khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi công ty nhận sáp nhập đặt trụ sở chính, các Phòng Đăng ký kinh doanh nơi công ty nhận sáp nhập và nơi công ty bị sáp nhập đặt trụ sở chính phối hợp để thực hiện chấm dứt tồn tại công ty bị sáp nhập theo quy định tại Khoản 3 Điều 61 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP.  - Trước khi chấm dứt tồn tại của công ty bị chia, công ty bị hợp nhất, công ty bị sáp nhập theo quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều 61 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP, Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại tất cả chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của công ty bị chia, công ty bị hợp nhất, công ty bị sáp nhập. |
| 555 | Trong trường hợp Công ty A được sáp nhập vào Công ty B, các chi nhánh của Công ty A có được đổi tên và đăng ký thành chi nhánh trực thuộc Công ty B hay không? | Điểm c Khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp quy định sau khi đăng ký doanh nghiệp, công ty bị sáp nhập chấm dứt tồn tại; công ty nhận sáp nhập được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ tài sản khác của công ty bị sáp nhập.  Đồng thời, Khoản 2 Điều 61 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP quy định Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện việc chấm dứt tồn tại chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của công ty bị chia, công ty bị hợp nhất, công ty bị sáp nhập trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.  Luật Doanh nghiệp không có quy định về việc chi nhánh của công ty bị sáp nhập được đổi tên và đăng ký thành chi nhánh trực thuộc công ty nhận sáp nhập. Do đó, hiện không có cơ sở pháp lý để các chi nhánh của Công ty A đăng ký thành chi nhánh trực thuộc Công ty B trong trường hợp Công ty A được sáp nhập vào Công ty B như trên. |
| 556 | Công ty TNHH có thể chuyển đổi thành công ty cổ phần được không? Phương thức chuyển đổi được quy định như thế nào? | Công ty TNHH có thể chuyển đổi thành công ty cổ phần. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 196 Luật Doanh nghiệp thì các phương thức chuyển đổi bao gồm:  a) Chuyển đổi thành công ty cổ phần mà không huy động thêm tổ chức, cá nhân khác cùng góp vốn, không bán phần vốn góp cho tổ chức, cá nhân khác;  b) Chuyển đổi thành công ty cổ phần bằng cách huy động thêm tổ chức, cá nhân khác góp vốn;  c) Chuyển đổi thành công ty cổ phần bằng cách bán toàn bộ hoặc một phần phần vốn góp cho một hoặc một số tổ chức, cá nhân khác;  d) Kết hợp phương thức quy định tại các điểm a, b và c khoản này. |
| 657 | Công ty TNHH một thành viên có thể chuyển đổi thành công ty TNHH hai thành viên trở lên do chủ sở hữu công ty sử dụng một phần vốn điều lệ để trả nợ được không? | Theo quy định tại Khoản 1 Điều 75 Luật Doanh nghiệp thì một trong những quyền của chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là quyết định chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác.  Khoản 1 Điều 77 Luật Doanh nghiệp quy định trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác, công ty phải tổ chức hoạt động theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc công ty cổ phần và đồng thời thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp với cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng.  Hồ sơ đăng ký chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc công ty cổ phần quy định tại Khoản 1, Khoản 4 Điều 25 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP.  Luật Doanh nghiệp và Nghị định số 78/2015/NĐ-CP không có quy định cấm chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sử dụng một phần vốn điều lệ để trả nợ. Do đó, công ty TNHH một thành viên có thể chuyển đổi thành công ty TNHH hai thành viên trở lên trong trường hợp chủ sở hữu công ty sử dụng vốn điều lệ để trả nợ. |
| 658 | Doanh nghiệp tư nhân có thể chuyển đổi thành công ty cổ phần được hay không? Hồ sơ, trình tự thủ tục chuyển đổi được quy định như thế nào? | Luật Doanh nghiệp không có quy định về việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ doanh nghiệp tư nhân thành công ty cổ phần.  Tuy nhiên, Điều 199 Luật Doanh nghiệp có quy định về việc chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty TNHH. Đồng thời, Điều 196 Luật này có quy định về việc chuyển đổi công ty TNHH thành công ty cổ phần.  Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với các trường hợp chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty TNHH và chuyển đổi công ty TNHH thành công ty cổ phần thực hiện theo quy định tại Điều 196 và 199 Luật Doanh nghiệp, Điều 25 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP. |
| 659 | Công ty TNHH một thành viên có thể chuyển đổi thành công ty TNHH hai thành viên trong trường hợp nào? Hồ sơ, trình tự thủ tục chuyển đổi được quy định như thế nào? | Khoản 3 Điều 87 Luật Doanh nghiệp quy định trường hợp tăng vốn điều lệ bằng việc huy động thêm phần vốn góp của người khác, công ty TNHH một thành viên phải tổ chức quản lý theo một trong hai loại hình là công ty TNHH hai thành viên hoặc công ty cổ phần.  Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với trường hợp chuyển đổi công ty TNHH một thành viên thành công ty TNHH hai thành viên trở lên quy định tại Khoản 1 Điều 25 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP, cụ thể gồm:  a) Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp;  b) Điều lệ công ty chuyển đổi theo quy định tại Điều 25 Luật Doanh nghiệp;  c) Danh sách thành viên và bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 Nghị định này của các thành viên công ty đối với trường hợp thành viên là cá nhân và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác đối với trường hợp thành viên công ty là tổ chức;  d) Hợp đồng chuyển nhượng hoặc giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng hoặc hợp đồng tặng cho đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho cá nhân hoặc tổ chức khác; Quyết định của chủ sở hữu công ty về việc huy động thêm vốn góp đối với trường hợp công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác. |
| 660 | Việc tạm ngừng kinh doanh của doanh nghiệp gồm các trường hợp nào? | Việc tạm ngừng kinh doanh của doanh nghiệp được quy định tại Điều 200 Luật Doanh nghiệp. Theo đó, doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh theo 2 trường hợp như sau:  - Trường hợp thứ nhất, doanh nghiệp có quyết định tạm ngừng kinh doanh và thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh cho cơ quan đăng ký kinh doanh.  - Trường hợp thứ hai, khi doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện nhưng không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật thì doanh nghiệp phải tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện theo yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan nhà nước có thẩm quyền. |
| 661 | Công ty TNHH XYZ đăng ký tạm ngừng kinh doanh trong thời hạn 1 năm. Công ty đã ngừng hoạt động kinh doanh được 6 tháng và hiện đang có nhu cầu trở lại hoạt động kinh doanh trước thời hạn tạm ngừng kinh doanh đã đăng ký. Vậy Công ty có được phép hoạt động kinh doanh trở lại trước thời hạn như nêu trên không? | Theo quy định tại Khoản 1 Điều 200 Luật Doanh nghiệp, trường hợp doanh nghiệp đang trong thời gian tạm ngừng kinh doanh muốn tiếp tục kinh doanh trở lại trước thời hạn đã đăng ký, doanh nghiệp phải thông báo bằng văn bản về việc tiếp tục kinh doanh cho cơ quan đăng ký kinh doanh chậm nhất 15 ngày trước ngày tiếp tục kinh doanh.  - Trình tự, thủ tục tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo đối với doanh nghiệp được quy định tại Điều 57 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp. Cụ thể như sau:  - Doanh nghiệp gửi thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đã đăng ký chậm nhất 15 ngày trước khi tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo.  - Sau khi tiếp nhận thông báo tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận hồ sơ cho doanh nghiệp. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận về việc doanh nghiệp đăng ký tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo. Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin doanh nghiệp đăng ký tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo đến cơ quan thuế để phối hợp quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp. |
| 662 | Công ty đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì có phải giải thể doanh nghiệp hay không? | Luật Doanh nghiệp quy định các trường hợp giải thể doanh nghiệp tại Khoản 1 Điều 201 Luật Doanh nghiệp. Theo đó, doanh nghiệp bị giải thể trong các trường hợp sau đây:  a) Công ty kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;  b) Công ty giải thể theo quyết định của chủ doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân, của tất cả thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh, của Hội đồng thành viên, chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần;  c) Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;  d) Công ty bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.  Như vậy, căn cứ quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 201 Luật Doanh nghiệp nêu trên, trường hợp công ty đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì công ty đó phải làm thủ tục giải thể doanh nghiệp. |
| 663 | Công ty TNHH XYZ tiến hành giải thể công ty. Hội đồng thành viên công ty đã thông qua quyết định giải thể. Vậy thủ tục tiếp theo phải thực hiện đối với quyết định giải thể công ty là gì? | Theo quy định tại Khoản 3 Điều 202 Luật Doanh nghiệp, trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày thông qua, quyết định giải thể và biên bản họp phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong doanh nghiệp, đăng quyết định giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp.  Trường hợp doanh nghiệp còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải gửi kèm theo quyết định giải thể phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ. |
| 664 | Công ty cổ phần ABC đã ra quyết định giải thể công ty. Trong thời gian tiến hành thủ tục giải thể, công ty đã thực hiện chào bán cổ phần riêng lẻ cho một số nhà đầu tư để huy động thêm vốn. Vậy theo quy định pháp luật hiện hành, việc chào bán cổ phần riêng lẻ để huy động vốn của Công ty cổ phần ABC khi công ty đã có quyết định giải thể có vi phạm quy định hay không? | Điều 205 Luật Doanh nghiệp quy định kể từ khi có quyết định giải thể doanh nghiệp, nghiêm cấm doanh nghiệp, người quản lý doanh nghiệp thực hiện các hoạt động sau đây:  a) Cất giấu, tẩu tán tài sản;  b) Từ bỏ hoặc giảm bớt quyền đòi nợ;  c) Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của doanh nghiệp;  d) Ký kết hợp đồng mới trừ trường hợp để thực hiện giải thể doanh nghiệp;  đ) Cầm cố, thế chấp, tặng cho, cho thuê tài sản;  e) Chấm dứt thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực;  g) Huy động vốn dưới mọi hình thức.  Theo đó, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, cá nhân có hành vi vi phạm quy định nêu trên có thể bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.  Như vậy, pháp luật nghiêm cấm hành vi huy động vốn dưới mọi hình thức, trong đó có hình thức chào bán cổ phần riêng lẻ đối với công ty cổ phần khi doanh nghiệp có quyết định giải thể. Do vậy, Công ty cổ phần ABC thực hiện chào bán cổ phần riêng lẻ để huy động vốn là vi phạm điều cấm của pháp luật về giải thể. |
| 665 | Công ty trách nhiệm hữu hạn AK tiến hành giải thể doanh nghiệp. Công ty có 5 chi nhánh và 2 địa điểm kinh doanh. Trước khi đăng ký giải thể doanh nghiệp, Công ty đã tiến hành thủ tục chấm dứt hoạt động của 5 chi nhánh và 2 địa điểm kinh doanh. Vậy theo quy định pháp luật hiện hành, việc chấm dứt hoạt động các đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp trước khi doanh nghiệp làm thủ tục đăng ký giải thể cho doanh nghiệp có được pháp luật quy định cho phép hay không? | Theo quy định tại Khoản 1 Điều 59 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp thì trước khi thực hiện thủ tục đăng ký giải thể doanh nghiệp, doanh nghiệp phải làm thủ tục chấm dứt hoạt động các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp tại Phòng Đăng ký kinh doanh nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.  Như vậy, việc công ty trách nhiệm hữu hạn AK thực hiện chấm dứt hoạt động các đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp trước khi đăng ký giải thể cho doanh nghiệp là thực hiện đúng theo quy định pháp luật. |
| 666 | Công ty cổ phần KH tiến hành thủ tục giải thể doanh nghiệp. Trong quyết định giải thể của công ty không có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp mà chỉ có chữ ký của Phó Giám đốc. Xin hỏi quyết định giải thể của công ty như trên có hợp lệ hay không? | Theo quy định tại Khoản 1 Điều 202 Luật Doanh nghiệp, quyết định giải thể doanh nghiệp phải có các nội dung chủ yếu sau đây:  a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp;  b) Lý do giải thể;  c) Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp; thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng không được vượt quá 06 tháng, kể từ ngày thông qua quyết định giải thể;  d) Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;  đ) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.  Căn cứ quy định nêu trên, quyết định giải thể của Công ty cổ phần KH không có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty là trái quy định pháp luật. |
| 767 | Công ty cổ phần ABC nhận được quyết định của Tòa án về việc giải thể doanh nghiệp. Trong trường hợp này, Công ty thực hiện trình tự, thủ tục giải thể như thế nào? | Theo quy định tại Điều 203 Luật Doanh nghiệp, việc giải thể doanh nghiệp trong trường hợp theo quyết định của Tòa án được thực hiện theo trình tự, thủ tục như sau:  - Cơ quan đăng ký kinh doanh thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp ngay sau khi nhận được quyết định giải thể của Tòa án đã có hiệu lực thi hành. Kèm theo thông báo phải đăng tải quyết định của Tòa án;  - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án có hiệu lực, doanh nghiệp phải triệu tập họp để quyết định giải thể. Quyết định giải thể và bản sao quyết định của Tòa án có hiệu lực phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong doanh nghiệp và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính và chi nhánh của doanh nghiệp. Đối với trường hợp mà pháp luật yêu cầu phải đăng báo thì quyết định giải thể doanh nghiệp phải được đăng ít nhất trên một tờ báo viết hoặc báo điện tử trong ba số liên tiếp.  Trường hợp doanh nghiệp còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải đồng thời gửi kèm theo quyết định giải thể của doanh nghiệp phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.  - Việc thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 202 của Luật Doanh nghiệp.  - Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp gửi đề nghị giải thể cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp.  - Sau thời hạn 180 ngày, kể từ ngày thông báo tình trạng giải thể doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều này mà không nhận phản đối của bên có liên quan bằng văn bản hoặc trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ giải thể, Cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.  - Cá nhân người quản lý công ty có liên quan phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại do việc không thực hiện hoặc không thực hiện đúng quy định tại Điều này. |
| 768 | Công ty cổ phần ABC đăng ký giải thể doanh nghiệp. Công ty sử dụng con dấu do cơ quan công an cấp. Vậy khi thực hiện thủ tục giải thể, con dấu của Công ty được xử lý như thế nào? | Theo quy định tại Khoản 5 Điều 59 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp thì khi tiến hành thủ tục giải thể, việc xử lý con dấu của doanh nghiệp do cơ quan công an cấp được thực hiện như sau:  Doanh nghiệp có trách nhiệm trả con dấu, Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu con dấu cho cơ quan công an để được cấp giấy chứng nhận đã thu hồi con dấu. Trong trường hợp này, con dấu và giấy chứng nhận mẫu dấu trong hồ sơ giải thể doanh nghiệp quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 204 Luật Doanh nghiệp được thay thế bằng giấy chứng nhận đã thu hồi con dấu. |
| 769 | Công ty cổ phần ABC nộp hồ sơ giải thể doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh. Theo quy định hiện hành, những đối tượng nào phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của hồ sơ giải thể doanh nghiệp của công ty? | Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 204 Luật Doanh nghiệp, khi công ty cổ phần thực hiện thủ tục giải thể thì những người phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của hồ sơ giải thể doanh nghiệp là các đối tượng sau: thành viên Hội đồng quản trị công ty cổ phần, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. |
| 770 | Xin cho biết ngoài các trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Điều 211 Luật Doanh nghiệp thì còn có trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nào khác theo quy định của pháp luật hiện hành? | Theo quy định tại Khoản 1 Điều 211 Luật Doanh nghiệp thì doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:  a) Nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo;  b) Doanh nghiệp do những người bị cấm thành lập doanh nghiệp theo khoản 2 Điều 18 của Luật này thành lập;  c) Doanh nghiệp ngừng hoạt động kinh doanh 01 năm mà không thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế;  d) Doanh nghiệp không gửi báo cáo theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 209 của Luật này đến Cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày hết hạn gửi báo cáo hoặc có yêu cầu bằng văn bản;  đ) Trường hợp khác theo quyết định của Tòa án.  Ngoài các trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo như Khoản 1 Điều 211 Luật Doanh nghiệp, theo Khoản 1 Điều 62 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 19 Điều 1 Nghị định số 108/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP, doanh nghiệp còn bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp quy định tại Khoản 26 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế. |
| 771 | Công ty TNHH XYZ ngừng hoạt động kinh doanh 01 năm mà không thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế? Trong trường hợp này, Công ty bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì có đúng quy định pháp luật hiện hành không? | Theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 211 Luật Doanh nghiệp, trường hợp doanh nghiệp ngừng hoạt động kinh doanh 01 năm mà không thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế thì doanh nghiệp thuộc trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.  - Trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 63 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 20 Điều 1 Nghị định số 108/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP. Theo đó, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đến trụ sở của Phòng để giải trình. Sau 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn hẹn trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp thuận thì Phòng Đăng ký kinh doanh ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.  - Như vậy, theo quy định nêu trên việc công ty ngừng hoạt động kinh doanh 01 năm mà không thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế là vi phạm quy định pháp luật và thuộc một trong các trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. |
| 772 | Công ty hợp danh NQ đăng ký thành lập doanh nghiệp gồm có hai thành viên hợp danh. Một trong hai thành viên công ty chưa đủ tuổi thành niên tại thời điểm công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Như vậy, trong trường hợp này, Công ty hợp danh NQ sẽ bị xử lý như thế nào theo quy định của pháp luật hiện hành? | Theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 211 Luật Doanh nghiệp, trường hợp doanh nghiệp do những người bị cấm thành lập doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp thành lập thì doanh nghiệp thuộc trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.  - Theo quy định tại điểm đ Khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp thì người chưa thành niên là một trong các cá nhân không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam.  - Do vậy, trường hợp Công ty hợp danh NQ có 1 thành viên hợp danh chưa đủ tuổi thành niên tham gia thành lập công ty là vi phạm quy định về đối tượng không có quyền thành lập doanh nghiệp và thuộc một trong các trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.  - Trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp này thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 63 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 20 Điều 1 Nghị định số 108/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP. Theo đó, Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đã đăng ký ra thông báo bằng văn bản yêu cầu doanh nghiệp thay đổi thành viên hoặc cổ đông thuộc đối tượng không được quyền thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Quá thời hạn nói trên mà doanh nghiệp không đăng ký thay đổi thành viên hoặc cổ đông, thì Phòng Đăng ký kinh doanh ra thông báo về hành vi vi phạm và ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.  - Sau khi nhận được Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp thực hiện thủ tục giải thể theo quy định tại Điều 203 Luật Doanh nghiệp. |
| 773 | Cơ quan công an kết luận hồ sơ đăng ký thành lập Công ty TNHH XYZ có yếu tố giả mạo. Xin hỏi trong hợp này doanh nghiệp sẽ bị xử lý như thế nào? | Theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 211 Luật Doanh nghiệp thì trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp là giả mạo thì doanh nghiệp thuộc trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.  Trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 63 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 20 Điều 1 Nghị định số 108/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP. Theo đó, trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập mới doanh nghiệp là giả mạo thì Phòng Đăng ký kinh doanh ra thông báo về hành vi vi phạm của doanh nghiệp và ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp  Sau khi nhận được Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp thực hiện thủ tục giải thể theo quy định tại Điều 203 Luật Doanh nghiệp. |
| 774 | Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp là giả mạo thì sẽ xử lý như thế nào? | Theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 211 Luật Doanh nghiệp thì trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo thì doanh nghiệp thuộc trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.  Trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 63 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 20 Điều 1 Nghị định số 108/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP. Theo đó, trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp là giả mạo thì Phòng Đăng ký kinh doanh ra thông báo về hành vi vi phạm của doanh nghiệp và hủy bỏ những thay đổi trong nội dung đăng ký doanh nghiệp được thực hiện trên cơ sở các thông tin giả mạo và khôi phục lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp trên cơ sở hồ sơ hợp lệ gần nhất, đồng thời thông báo với cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật. |
| 775 | Cơ quan có thẩm quyền xác minh hành vi giả mạo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp để làm cơ sở thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là cơ quan nào? | Khoản 3 Điều 62 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 20 Điều 1 Nghị định số 108/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP quy định trường hợp cần xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo để làm cơ sở thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 211 Luật Doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi văn bản kèm theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến: (a) cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản khẳng định văn bản do cơ quan đó cấp bị giả mạo; hoặc (b) cơ quan công an kết luận về việc nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo. Các cơ quan có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về kết quả xác định theo đề nghị của Phòng Đăng ký kinh doanh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. Căn cứ kết luận của các cơ quan nêu trên, Phòng Đăng ký kinh doanh thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo trình tự, thủ tục quy định tại Khoản 1 Điều 63 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 20 Điều 1 Nghị định số 108/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP nếu nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo. |
| 776 | Trường hợp doanh nghiệp không gửi báo cáo theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 209 Luật Doanh nghiệp thì sẽ bị xử lý như thế nào? | Khoản 4 Điều 63 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 20 Điều 1 Nghị định số 108/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP quy định trường hợp doanh nghiệp không gửi báo cáo theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 209 Luật Doanh nghiệp thì trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 211 Luật Doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đến trụ sở của Phòng để giải trình. Sau 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn hẹn trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp thuận thì Phòng Đăng ký kinh doanh ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.  Sau khi nhận được Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp thực hiện thủ tục giải thể theo quy định tại Điều 203 Luật Doanh nghiệp. |
| 877 | Xin hỏi trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế theo quy định tại Khoản 26 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế? | Trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế theo quy định tại Khoản 26 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế được quy định tại Khoản 5 Điều 63 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 20 Điều 1 Nghị định số 108/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP). Theo đó, trường hợp doanh nghiệp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế theo quy định tại Khoản 26 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Quản lý thuế thì trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của thủ trưởng cơ quan quản lý thuế theo quy định tại Khoản 31 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Quản lý thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo trình tự, thủ tục quy định tại Khoản 4 Điều 63 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 20 Điều 1 Nghị định số 108/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP.  Sau khi nhận được Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp thực hiện thủ tục giải thể theo quy định tại Điều 203 Luật Doanh nghiệp. |
| 878 | Quy định về việc doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh những ngành, nghề mà luật không cấm được hiểu như thế nào? Trường hợp doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, trong đó có ghi ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thì doanh nghiệp có được kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh đó hay không? | Theo quy định của Điều 7 Luật Doanh nghiệp thì doanh nghiệp được tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm. Khoản 8 Điều 7 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP quy định: “Doanh nghiệp được quyền kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động. Việc quản lý nhà nước đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và kiểm tra việc chấp hành điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên ngành theo quy định của pháp luật chuyên ngành”. Điều này có nghĩa là mặc dù doanh nghiệp đã được Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà doanh nghiệp chưa đáp ứng được các điều kiện đầu tư kinh doanh thì doanh nghiệp chưa được kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. |
| 879 | Cơ quan nào có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp? Các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân các cấp có quyền ban hành quy định về đăng ký doanh nghiệp và chỉ đạo Cơ quan đăng ký kinh doanh thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? | Theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 209 Luật Doanh nghiệp thì một trong những nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan đăng ký kinh doanh là thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và yêu cầu doanh nghiệp làm thủ tục giải thể.  Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành không quy định cơ quan khác ngoài cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Do vậy, tính đến nay cơ quan đăng ký kinh doanh là cơ quan duy nhất có thẩm quyền thực hiện việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.  Khoản 4 Điều 5 nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ quy định: “Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp không được ban hành các quy định về đăng ký doanh nghiệp áp dụng riêng cho ngành hoặc địa phương mình. Những quy định về đăng ký doanh nghiệp do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp ban hành trái với quy định tại Khoản này hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực”. |
| 880 | Xin hỏi trình tự, thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh được quy định như thế nào? | Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 108/2018/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP bổ sung Điều 25a về đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh như sau:  1. Việc đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh thực hiện tại Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp dự định đặt trụ sở chính.  2. Hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh bao gồm bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế và các giấy tờ quy định tại Điều 21, Điều 22 và Điều 23 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP tương ứng với từng loại hình doanh nghiệp.  3. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hộ kinh doanh đặt trụ sở để thực hiện chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh. |
| 881 | Hiện nay có bao nhiêu ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện? Tôi có thể tra cứu các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện ở đâu? | Ngày 22/11/2016 Quốc hội đã thông qua Luật số 03/2016/QH14 sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017 (trừ 2 ngành kinh doanh thiết bị, phần mềm ngụy trang dùng để ghi âm, ghi hình, định vị; sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu xe ô tô).  Theo Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư, Danh mục này bao gồm**243 ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện** thuộc 15 lĩnh vực quản lý của nhà nước. Người dùng có thể tham khảo danh mục và các điều kiện của từng ngàn,h nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện tại Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại địa chỉ. Cụ thể:  *https://*[*dangkykinhdoanh.gov.vn/vi-vn/danhm*](https://dangkykinhdoanh.gov.vn/vi-vn/danhm)*ụcngànhnghềđầutưkinhdoanh.aspx* |
| 882 | Việc đóng phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp như thế nào? | Khoản 1 Điều 32 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP quy định người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp phải nộp phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp có thể được nộp trực tiếp tại Phòng Đăng ký kinh doanh hoặc chuyển vào tài khoản của Phòng Đăng ký kinh doanh hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử.  Mức thu phí, lệ phí cụ thể cho từng nội dung tương ứng quy định tại Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp và Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 130/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 215/2016/TT-BTC. |